

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

Số: **77** /2021/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Bình, ngày **02** tháng **4** năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi, thời gian hưởng chế độ phục vụ
công tác bầu cử đại biểu Quốc hội Khóa XV và đại biểu HĐND
các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 tỉnh Quảng Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
KHÓA XVII - KỲ HỌP THỨ 19**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 06 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân
ngày 25 tháng 06 năm 2015;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ
quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính
hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử
đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ
2021-2026;*

*Xét Tờ trình số 367/TTr-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc đề nghị HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết quy định mức
chi, thời gian hưởng chế độ phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội Khóa
XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 tỉnh Quảng Bình; Báo cáo
thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của các đại biểu
Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này Quy định mức chi, thời gian hưởng chế độ phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 tỉnh Quảng Bình.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 tỉnh Quảng Bình.

Điều 2. Mức chi, thời gian được hưởng

1. Chi xây dựng các văn bản hướng dẫn phục vụ công tác bầu cử; các báo cáo, văn bản liên quan đến công tác bầu cử

a. Chi xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về bầu cử: Thực hiện theo quy định tại Thông tư 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật (gọi tắt là Thông tư 338/2016/TT-BTC).

b. Chi xây dựng các văn bản ngoài phạm vi điều chỉnh của Thông tư 338/2016/TT-BTC liên quan đến công tác bầu cử, có phạm vi toàn tỉnh do Ủy ban bầu cử tỉnh ban hành (kế hoạch, văn bản chuyên môn hướng dẫn công tác phục vụ bầu cử, báo cáo sơ kết, tổng kết, biên bản tổng kết cuộc bầu cử)

- Xây dựng văn bản (tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý):

Cấp tỉnh: 2.000.000 đồng/văn bản

Cấp huyện: 1.000.000 đồng/văn bản

Cấp xã : 500.000 đồng/văn bản

- Xin ý kiến tham gia văn bản các cá nhân, chuyên gia

Cấp tỉnh: 100.000 đồng/người/lần, tối đa không quá 200.000 đồng/người/văn bản

Cấp huyện, xã: 50.000 đồng/người/lần, tối đa không quá 100.000 đồng/người/văn bản

2. Chi in ấn tài liệu, ấn phẩm phục vụ bầu cử

Chi in ấn tài liệu, ấn phẩm phục vụ bầu cử bao gồm:

a. Chi in ấn các tài liệu phục vụ cho cuộc bầu cử như: Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; các ấn phẩm, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn phục vụ cho cuộc bầu cử.

b. Chi in ấn: Thẻ cử tri, phiếu bầu cử, nội quy phòng/khu vực bỏ phiếu, các biểu mẫu phục vụ công tác bầu cử, phù hiệu cho nhân viên tổ chức bầu cử; các hồ sơ ứng cử, tiểu sử, các loại danh sách phục vụ công tác bầu cử (danh sách các đơn vị bầu cử, danh sách cử tri, danh sách người ứng cử, người tự ứng cử, người trúng

cử); các biên bản liên quan đến bầu cử, giấy chứng nhận đại biểu trúng cử và các loại tài liệu, giấy tờ khác có liên quan phục vụ cho công tác bầu cử.

Được thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Chi thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn và vận động bầu cử; chi xây dựng, cập nhật thông tin điện tử về công tác bầu cử của Ủy ban bầu cử tỉnh; chi trang thiết bị phục vụ Ủy ban bầu cử tỉnh

Ưu tiên tiết kiệm tối đa chi phí thông qua tận dụng các kênh tuyên truyền sẵn có: trên Đài phát thanh truyền hình Quảng Bình, Báo Quảng Bình và các Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị trong tỉnh.

a. Chi xây dựng, cập nhật thông tin về công tác bầu cử của Ủy ban bầu cử tỉnh: Mức chi áp dụng theo Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND ngày 04/02/2015 của UBND tỉnh Quảng Bình quy định chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản; truyền thanh, bản tin, công/trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

b. Chi thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn và vận động bầu cử (ngoài nhuận bút): thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c. Chi trang thiết bị phục vụ Ủy ban bầu cử tỉnh: Theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ và quyết định mua sắm của cấp có thẩm quyền.

4. Chi tổ chức các hội nghị, tập huấn, cuộc họp

a. Chi hội nghị: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

b. Chi tổ chức tập huấn cho cán bộ tham gia phục vụ công tác tổ chức bầu cử: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Quyết định số 323/QĐ-BTC ngày 01 tháng 3 năm 2019 của Bộ Tài chính đính chính Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018.

c. Chi bồi dưỡng các cuộc họp

- Các cuộc họp của Ban chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử, ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ban bầu cử đại biểu HĐND, Ban thường trực UBMTTQVN tỉnh:

+ Chủ trì cuộc họp : 200.000 đồng/người/buổi.

+ Thành viên tham dự: 100.000 đồng/người/buổi.

+ Các đối tượng phục vụ: 50.000 đồng/người/buổi.

- Các cuộc họp của Ban chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử, các tiểu ban của Ủy ban bầu cử, UBMTTQVN cấp huyện, xã và các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử:

+ Chủ trì cuộc họp: 150.000 đồng/người/buổi.

+ Thành viên tham dự: 80.000 đồng/người/buổi.

+ Các đối tượng phục vụ: 50.000 đồng/người/buổi.

5. Chi cho công tác chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát công tác bầu cử

a. Chi phương tiện đi lại, công tác phí: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

b. Chi vận chuyển phiếu bầu, quản lý và kiểm phiếu bầu: thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c. Chi khác liên quan đến công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử: thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d. Ngoài chế độ thanh toán tại điểm a, b, c khoản 5 Điều này, các đoàn công tác được chi bồi dưỡng thêm như sau:

Trưởng đoàn giám sát: 200.000 đồng/người/buổi.

Thành viên chính thức của đoàn giám sát: 100.000 đồng/người/buổi.

Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ đoàn giám sát:

- Phục vụ trực tiếp đoàn giám sát: 80.000 đồng/người /buổi.

- Phục vụ gián tiếp đoàn giám sát (Lái xe, bảo vệ lãnh đạo): 50.000 đồng/người/buổi.

đ. Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát:

- Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát; báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình Ban chỉ đạo bầu cử, Thường trực HĐND, Ủy ban bầu cử và các Bộ, ngành Trung ương: 2.000.000 đồng/báo cáo.

- Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia: 100.000 đồng/lần, tối đa không quá 300.000 đồng/người/báo cáo.

- Chinh lý, hoàn chỉnh báo cáo: 500.000 đồng/báo cáo.

6. Chi công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; giám sát hoạt động khiếu nại, tố cáo về công tác bầu cử

a. Người được giao trực tiếp việc tiếp công dân: 80.000 đồng/người/buổi;

b. Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân: 60.000 đồng/người/buổi;

c. Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân: 50.000 đồng/người/buổi.

7. Chi phí hành chính cho công tác bầu cử

a. Chi văn phòng phẩm, chi phí hành chính (bao gồm cước điện thoại bàn phục vụ liên lạc) trong đợt bầu cử: thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b. Chi thuê hội trường và địa điểm bỏ phiếu: thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c. Chi trang trí, loa đài: thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d. Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử (bao gồm cả hỗ trợ liên lạc), chi an ninh, bảo vệ tại các tổ bầu cử:

- Bồi dưỡng theo mức khoán/tháng đối với các đối tượng sau:

Chủ tịch, các phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử:

+ Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/người/tháng

+ Cấp huyện: 800.000 đồng/người/tháng

+ Cấp xã: 600.000 đồng/người/tháng

Thành viên trong Ủy ban bầu cử:

+ Cấp tỉnh: 800.000 đồng/người/tháng

+ Cấp huyện: 600.000 đồng/người/tháng

+ Cấp xã: 400.000 đồng/người/tháng

Thành viên tổ giúp việc Ủy ban bầu cử:

+ Cấp tỉnh: 600.000 đồng/người/tháng

+ Cấp huyện: 400.000 đồng/người/tháng

+ Cấp xã: 200.000 đồng/người/tháng

- Thời gian hưởng hỗ trợ theo mức khoán này được tính theo thời gian thực tế phục vụ công tác bầu cử, từ thời điểm thành lập Ủy ban bầu cử đến khi kết thúc nhiệm vụ. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng mức bồi dưỡng cao nhất. Danh sách chi bồi dưỡng thực hiện theo nghị quyết, quyết định thành lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Thành viên Tổ bầu cử, các đối tượng được huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử (ngoài các đối tượng đã được huy động, trung tập tham gia tại các Tiểu ban, các tổ giúp việc của Ủy ban bầu cử) mức bồi dưỡng 70.000 đồng/người/ngày; thời gian hưởng chế độ chi bồi dưỡng không quá 15 ngày (không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử);

- Trường hợp thời gian huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử lớn hơn 15 ngày, thực hiện chi bồi dưỡng theo mức chi tối đa: 1.000.000 đồng/người/tháng trên cơ sở quyết định, văn bản huy động, trung tập được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Riêng 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử): Chi bồi dưỡng 150.000 đồng/người/ngày, áp dụng đối với tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử; danh sách đối tượng được hưởng chế độ chi bồi dưỡng theo các quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

đ. Chi làm hòm phiếu bổ sung, khắc dấu của tổ chức bầu cử, bảng niêm yết danh sách bầu cử:

Các phương tiện phục vụ các cuộc bầu cử trước đây hiện còn sử dụng được phục vụ cho công tác bầu cử phải được các cơ quan, đơn vị quản lý chặt chẽ; ưu tiên tối đa sử dụng, huy động các phương tiện đang được trang bị ở các cơ quan, đơn vị để phục vụ cho nhiệm vụ bầu cử đảm bảo tiết kiệm chi cho ngân sách nhà nước; trong trường hợp không thể sử dụng, tận dụng các phương tiện cũ vì đã hư hỏng nặng, mới thực hiện mua mới với định mức như sau:

- Chi đóng hòm phiếu: Tối đa 350.000 đồng/hòm phiếu.
- Chi khắc dấu: Tối đa 250.000 đồng/dấu.
- Chi bảng niêm yết danh sách bầu cử: Tối đa 1.500.000 đồng/bảng.

e. Chi khác phục vụ trực tiếp cho công tác bầu cử: thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 3. Nguồn kinh phí và việc sử dụng kinh phí

1. Kinh phí phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 tỉnh Quảng Bình do ngân sách Trung ương đảm bảo và được bổ sung một phần từ ngân sách địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính.

2. Trong phạm vi kinh phí phục vụ bầu cử được cơ quan có thẩm quyền phân bổ (*ngân sách Trung ương hỗ trợ, ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và các nguồn kinh phí hợp pháp khác*), các cơ quan, đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch sử dụng kinh phí theo đúng chế độ quy định hiện hành.

Kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử phải được quản lý chặt chẽ, chi tiêu theo đúng chế độ, đúng mục đích, có hiệu quả; sử dụng các phương tiện phục vụ các cuộc bầu cử trước đây còn sử dụng được, huy động các phương tiện được trang bị ở các cơ quan, đơn vị để phục vụ nhiệm vụ bầu cử đảm bảo tiết kiệm chi cho ngân sách nhà nước.

3. Việc lập dự toán, quản lý, cấp phát, thanh toán và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 tỉnh Quảng Bình thực hiện theo Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày

23/11/2020 của Bộ Tài chính, Nghị quyết này và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Các công việc đã triển khai thực hiện trước khi Nghị quyết này có hiệu lực, các cơ quan, đơn vị, các địa phương căn cứ mức chi này và chứng từ chi tiêu thực tế, hợp lệ để quyết toán kinh phí theo quy định.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật; giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Quảng Bình khoá XVII, kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 02 tháng 4 năm 2021 và có hiệu lực thi hành từ ngày 12 tháng 4 năm 2021./. *Q₂*

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- UB tài chính - Ngân sách của Quốc hội
- Bộ Tư pháp; Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban và các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị cấp tỉnh;
- Báo Quảng Bình, Đài PT-TH Quảng Bình;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH



Trần Hải Châu

